TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số /2023/HNGĐ-ST
Ngày 29/ 6/ 2023
(V/v T/ c Hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, ông Nguyễn Văn Thụ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Băc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 605/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64 /2023/QĐST- HNGĐ ngày 5/ 6/ 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Dương T- Sinh năm 1995(Đề nghị vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Cống Trào, xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Chị Lưu Thị Hồng N - Sinh năm 2001(Đề nghị vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đông Thịnh, xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản tự khai ,nguyên đơn là anh Nguyễn Dương T trình bày: Anh T và chị Lưu Thị Hồng N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái năm 2020. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì mâu thuẫn do không hợp nhau. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi, chị N về xã Tam Dị, huyện Lục Nam sinh sống cùng bố mẹ ruột. Nay anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn chị N.

Về con chung: Không

Về tài sản chung, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn là chị Lưu Thị Hồng N tại bản tự khai trình bày: Anh T và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên

Bái năm 2020. Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, khoảng năm thì mâu thuẫn do không hợp nhau. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị N đồng ý.

Về con chung: Không.

Về tài sản chung, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

Quan hệ hôn nhân : Anh T được ly hôn chị N.

Về tài sản chung, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

Án ph: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng : Tại phiên tòa vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn, tuy nhiên các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy việc xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Quan hệ hôn nhân : Anh T và chị N có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh T và chị N đều trình bày mâu thuẫn do không hợp nhau nên vợ chồng ly thân từ khoảng 20 đến nay. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị N đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu ly hôn chị N.

[2.2].Về con chung: Không.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức và các vấn đề khác : Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 147, 271 và 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;; Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

2.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Dương T và chị Lưu Thị Hồng N được ly hôn.

3.Án phí sơ thẩm:Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm,nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 00..... ngày 05/12/ 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

4.Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Đương sự,
-TAND T, BG
-VKSNDH. Lục Nam
-THADSH. Lục Nam,
-UBND xã An Thịnh
-Lưu

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên